

Bản án số: 259/2025/HC-PT

Ngày 13-3-2025

V/v: “Khiếu kiện quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:* Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1259/2024/TLPT-HC ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 17/2024/HC-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1 Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1977;

1.2 Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Danh Thành V1, sinh năm 1986; địa chỉ: Số C, đường T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 8 năm 2023).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N. Là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn

bản ủy quyền số 2430/UQ-CTUB, ngày 15 tháng 6 năm 2023). Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T – Chuyên viên Phòng quản lý đất đai, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Thuận. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Đinh Văn H1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T. Là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 06/GUQ-CTUB, ngày 23 tháng 4 năm 2024). Vắng mặt.

3.2 Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã P: Ông Nguyễn Tấn L - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P. Có mặt.

3.3 Ban Q1.

Người đại diện theo pháp luật của Ban Q1: Ông Lê Xuân H2 - Trưởng Ban Q1. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Văn C – Trưởng trạm quản lý bảo vệ rừng P thuộc Ban Q1, được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 3 năm 2025. Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.4 Hạt kiểm lâm huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đạo Chế Trương T1, Hạt trưởng. Có mặt.

3.5 Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 2005; Vắng mặt.

3.6 Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1995; Vắng mặt.

3.7 Bà Nguyễn Thị T2; Vắng mặt.

3.8 Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1997; Có mặt.

3.9 Cháu Nguyễn Văn H3, sinh năm 2012;

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Văn H3: Ông Nguyễn Văn V (cha ruột); Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, Bản án sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn V trình bày:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết khiếu nại.

- Hủy Quyết định số 1567/QĐ-KPHQ ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc buộc khôi phục lại hiện trạng như ban đầu, trả lại diện tích 10,81 ha đất lấn chiếm.

Nội dung Quyết định hành chính được tóm tắt như sau: Diện tích đất 10,81ha gia đình ông V khai hoang vào năm 1995, tọa lạc thôn S, xã P, huyện T là đất rừng phòng hộ ven biển thuộc UBND xã P quản lý, gia đình ông V lấn chiếm đất rừng phòng hộ, sử dụng đất không có giấy tờ về đất đai, vi phạm pháp luật về đất đai, cụ thể bị UBND xã P 02 lần (năm 2015, năm 2022) lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất rừng phòng hộ, đất chưa sử dụng và bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả khôi phục lại hiện trạng đất như ban đầu, trả lại diện tích 10,81 ha đất đã lấn chiếm tại Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của UBND xã P và Quyết định số 1567/QĐ-KPHQ ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh N. Quyết định giải quyết khiếu nại số 250/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh N bác đơn khiếu nại của ông V, giữ nguyên Quyết định khắc phục hậu quả số 1567/QĐ-KPHQ ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh N.

Lý do, căn cứ khởi kiện: Ông V, bà X cho rằng Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 250/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 về việc bác đơn khiếu nại của ông V, giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1567/QĐ-KPHQ ngày 10/11/2022 là chưa xem xét khách quan, toàn diện vụ việc, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông V, bởi lẽ:

Thứ nhất, về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất trên cơ sở báo cáo của UBND xã P (Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 19/02/2021 và Báo cáo số 39/BC-UBND ngày 15/3/2022) liên quan đến nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình ông V, ngày 05/8/2022 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Công văn 2879/UBND-TCD về việc thông tin nội dung đơn khiếu nại, nội dung Công văn xác định như sau:

"Khoảng năm 1997, hộ ông V có khai phá đất tại khu vực này để làm nơi hầm than và chăn nuôi gia súc. Trong quá trình sinh sống, ông V có xây dựng nhà tạm, chuồng trại chăn nuôi, trồng cây hoa màu, cây ăn trái.

Năm 2013 thực hiện Dự án đường ven biển M - C có thu hồi nhà tạm, chuồng trại nên ông V di dời xây nhà, chuồng trại tại vị trí hiện tại.

Từ năm 2017 - 2021 ông V có xây dựng thêm nhà ở, nhà tạm, nhà giữ xe cho khách đi câu cá, hồ chứa nước cho chăn nuôi. Đối với các loại cây trồng hộ ông V đã trồng vào năm 2000, sau đó trồng bổ sung thêm vào vị trí những cây đã chết.

Diện tích đất bằng phẳng canh tác khoảng 2 ha, diện tích phần còn lại là đá xen lẫn cây rừng rải rác hộ ông V mới khai phá sau năm 2014.

Căn cứ vào nội dung của công văn trên, thì UBND xã P và UBND huyện T đều thừa nhận nguồn gốc đất trên là do gia đình ông V khai phá từ năm 1997 (khoảng 02 ha), phần diện tích còn lại (hơn 08 ha) mới khai phá sau năm 2014, thừa nhận quá trình sử dụng đất (thời điểm sử dụng đất) từ năm 1997 thì gia đình ông V có xây dựng nhà tạm, chuồng trại chăn nuôi, trồng cây lâu năm. Từ năm 2017-2021 thì có xây dựng thêm nhà ở, nhà tạm.

Năm 2013, Dự án đường ven biển M - C đi qua phần đất của ông V, ông V đủ điều kiện để được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật, nên ngày 31/3/2014 UBND huyện T ban hành Quyết định số 1059/30-UBND về việc thu hồi đất, ông V được Nhà nước chi trả bồi thường đất và tài sản trên đất số tiền là 35.950.000 (ba mươi lăm triệu chín trăm năm mươi triệu) đồng.

Từ các chứng cứ trên có căn cứ xác định nguồn gốc đất là do gia đình ông V khai phá và sử dụng đất ổn định lâu dài từ năm 1997 đến nay.

Thứ hai, xét Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 91/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của Chủ tịch UBND xã P.

Ngày 26/6/2015, UBND xã P lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất rừng phòng hộ (theo Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ) đối với hộ gia đình ông V. Do hết thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; sửa đổi, bổ sung năm 2020) nên ngày 06/3/2015 UBND xã P ra Quyết định số 91/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả khôi phục hiện trạng đất như ban đầu, trả lại diện tích đất 10,81 ha đất lấn chiếm. Tại Điều 3 của Quyết định số 91/QĐ-UBND có nêu "Giao cho B địa chính xã P phối hợp với Ban Q2 thi hành Quyết định và tổ chức công bố, trao quyết định cho ông Nguyễn Văn V theo đúng thời gian quy định".

Tuy nhiên, từ khi ban hành quyết định đến nay, ông V chưa nhận được quyết định trên, UBND xã P không có tổng đạt, công bố quyết định này cho ông V và ông chưa ký nhận biên bản vi phạm hành chính này. Do không nhận được quyết định khắc phục hậu quả số 91/QĐ-UBND nên ông V không thực hiện được các quyền và nghĩa vụ khiếu nại, khiếu kiện theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/6/2022, UBND xã P tiếp tục lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông V về hành vi lấn chiếm đất chưa sử dụng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Thay vì biên bản vi phạm hành chính được lập tại nơi vi phạm nhưng lại được lập tại trụ sở UBND xã P vắng mặt ông V, vì vậy ông V không được nghe cán bộ UBND xã P đọc lại nội dung biên bản, không được ký nhận biên bản này theo đúng trình tự pháp luật. Do vượt quá thẩm quyền xử phạt của UBND xã nên UBND xã đã lập hồ sơ đề nghị UBND huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tuy nhiên do hết thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Điều 66 của Luật Xử lý vi

phạm hành chính năm 2012; sửa đổi, bổ sung năm 2020) nên không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà lập Tờ trình đề nghị UBND tỉnh N ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 22/6/2022, UBND huyện T tiến hành cuộc họp, về phía cấp tỉnh gồm: Sở T4, Sở tư pháp, Thanh tra tỉnh, Sở T4, C1, về phía cấp huyện gồm: Phòng T5, Công an, Thanh tra, Phòng tư pháp, Hạt kiểm lâm, Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển, UBND xã P. Tại cuộc họp liên ngành 2 cấp chưa thống nhất được về chủ thể quản lý và loại đất. Ngày 28/6/2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh T4 có Văn bản số 2194/SNNPTNT-TTr xác định chủ thể quản lý khu vực Bãi Đá T3 là "UBND xã P". Ngày 30/6/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T4 có Văn bản số 2964/STNMT-TI xác định loại đất khu vực Bãi Đá T3 là "đất lâm nghiệp".

Cuối cùng, đến ngày 06/7/2022, UBND huyện T tiếp tục cuộc họp thống nhất xác định hành vi vi phạm là "chiếm đất rừng phòng hộ do UBND xã P quản lý".

Ngày 13/7/2022, UBND huyện T có Tờ trình số 96/TTr-UBND về việc yêu cầu UBND tỉnh ra Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do có hành vi lấn chiếm đất đai.

Ngày 10/11/2022, UBND tỉnh N ban hành Quyết định 1567/QĐ-KPHQ về việc buộc gia đình ông V thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính lấn, chiếm đất rừng phòng hộ "buộc khôi phục lại tình trạng đất trước khi vi phạm, trả lại diện tích đất 108.115m² đã chiếm".

Tại khoản 1 Điều 3 và khoản 2 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: "Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả, biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng độc lập trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 65 của Luật này".

Cùng một hành vi vi phạm là "lấn chiếm đất rừng phòng hộ" nhưng UBND xã P và UBND tỉnh N áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả 02 lần trong cùng một hành vi vi phạm hành chính là không đúng Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Đến nay, UBND xã P, UBND huyện T và UBND tỉnh N không có văn bản nào để thu hồi hoặc hủy bỏ Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của UBND xã P về việc buộc gia đình ông V thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

Như vậy, ngày 26/6/2015 và ngày 16/6/2022, UBND xã P lập biên bản vi phạm hành chính về 02 hành vi vi phạm khác nhau "lấn chiếm đất rừng phòng hộ và lấn chiếm đất chưa sử dụng". Ngày 06/8/2015, UBND xã P ra Quyết định số 91/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là chưa đúng về chủ thể quản lý và hành vi vi phạm từ thời điểm này chưa xác định được ai là chủ thể có thẩm quyền quản lý đất khu vực Bãi Đá T3 và chưa xác định được loại nhóm đất nông nghiệp trong đó có đất rừng phòng hộ, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng.

Từ cơ sở chưa xác định chính xác về chủ thể quản lý đất khu vực Bãi Đá T3, chưa xác định được loại đất, chưa xác định được chính xác hành vi vi phạm, cho thấy từ năm 1995 đến nay không có căn cứ cho rằng ông V vi phạm pháp luật về đất đai dẫn đến việc UBND huyện phải từ chối hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thứ ba, về điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ngày 05/8/2022 trên cơ sở Báo cáo, tờ trình của UBND xã P thì Chủ tịch UBND huyện T ban hành Công văn số 2879/UBND-TCĐ về việc thông tin nội dung đơn khiếu nại của ông V, qua đó Chủ tịch UBND huyện T từ chối cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với lý do ông Nguyễn Văn V không có các loại giấy tờ về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 15 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013 về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất: “2. Hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, ...đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”. UBND huyện T căn cứ Điều 100, khoản 2 Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để giải quyết, từ chối hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông V là áp dụng chưa đúng pháp luật. Bởi lẽ, các điều luật trên chỉ nói về hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ổn định mà có các giấy tờ về quyền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 (tức giấy tờ theo Luật Đất đai năm 1987). Hộ gia đình ông V sử dụng đất từ sau ngày 15/10/1993 nên không thuộc trường hợp điều chỉnh của Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, trường hợp này thuộc đối tượng điều chỉnh của Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 quy định: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất.

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này, có hộ khẩu thường trú tại địa phương và trực tiếp sản xuất nông nghiệp trồng hoa màu, cây ăn trái, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai.

Điều 21. Căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định

2. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được xác định căn cứ vào thời gian và nội dung có liên quan đến mục đích sử dụng đất ghi trên một trong các giấy tờ sau đây:

.....

e) Giấy tờ về đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú dài hạn tại nhà ở gắn với đất ở, giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy khai sinh, giấy tờ nộp tiền điện nước và các khoản nộp khác có ghi địa chỉ nhà ở tại thửa đất đăng ký.

Gia đình ông V có hộ khẩu thường trú tại địa phương, trực tiếp sản xuất nông nghiệp (trồng hoa màu, cây ăn trái, chăn nuôi gia súc), đã sử dụng đất ổn định lâu dài từ trước ngày 01/7/2004 và từ ngày 01/7/2004 đến nay, không vi phạm pháp luật đất đai, sử dụng đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương nên đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Thứ tư, giai đoạn năm 2007-2015 thì khu vực Bãi Đá T3 đã được UBND tỉnh N đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng (Quyết định 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh N).

Tại Điều 2 của Quyết định số 241 quy định trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh "xây dựng kế hoạch, xác định cụ thể ranh giới quy hoạch lâm nghiệp và quy hoạch lâm nghiệp chuyển sang mục đích khác (ngoài lâm nghiệp) trên thực địa điều chỉnh diện tích rừng và đất rừng của các Ban quản lý, Công ty L2 bàn giao kết quả rà soát, quy hoạch lại 03 loại rừng cho từng địa phương cấp huyện, xã, đơn vị chủ rừng, xây dựng kế hoạch chuyển đổi diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp sang mục đích khác theo từng giai đoạn cụ thể hàng năm". Tuy nhiên cơ quan này không thực hiện đúng trách nhiệm của mình quy định tại Điều 2 của Quyết định 241, cụ thể không cắm mốc xác định ranh giới quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch lâm nghiệp chuyển sang mục đích khác (ngoài lâm nghiệp), không bàn giao kết quả rà soát, quy hoạch lại 03 loại rừng cho cấp huyện, xã, đơn vị chủ rừng, không thể hiện chi tiết diện tích rừng phòng hộ, rừng sản xuất, không xác định được vùng quy hoạch chuyển đổi sang mục đích khác (ngoài lâm nghiệp) dẫn đến các xã (trong đó có xã P) đều không xác định được chính xác vị trí ranh giới, diện tích đất rừng phòng hộ, rừng sản

xuất, đất rừng đặc dụng. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh chưa thực hiện việc tham mưu UBND tỉnh công bố công khai quy hoạch liên quan đến 03 loại rừng theo Quyết định 241 này.

Sau khi UBND tỉnh N chuyển ra khỏi quy hoạch 03 loại rừng nêu trên thì khu vực Bãi Đá T3 không còn là đất rừng phòng hộ nữa, gia đình ông V vẫn tiếp tục sản xuất ổn định, không tranh chấp và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương. Tuy nhiên hiện nay khu vực này chưa được cơ quan chức năng có thẩm quyền xác định là loại đất gì.

Tại Điều 10 Luật Đất đai năm 2013 quy định phân loại đất theo đó có 03 nhóm là đất nông nghiệp, phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng:

1. Nhóm đất nông nghiệp bao gồm các loại đất sau đây:

a) Đất trồng cây hàng năm gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác;

b) Đất trồng cây lâu năm;

c) Đất rừng sản xuất;

d) Đất rừng phòng hộ;

đ) Đất rừng đặc dụng;

e) Đất nuôi trồng thủy sản;

g) Đất làm muối;

h) Đất nông nghiệp khác gồm đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất, xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm, đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh.

Theo Quyết định số 241/2007 thì UBND tỉnh đã đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng (rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng) khu vực này không sản xuất được muối, không nuôi trồng được thủy sản, không trồng được lúa nước... vì vậy theo Điều 10 Luật Đất đai năm 2013 thì khu vực này chỉ phù hợp xác định là loại đất trồng cây lâu năm.

Năm 2007-2015, khu vực này không còn là đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất, rừng đặc dụng. Vì vậy việc UBND xã P lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất chưa sử dụng, lấn chiếm đất rừng phòng hộ vào các ngày 26/6/2015 và ngày 16/6/2022 đối với ông V là không có căn cứ pháp luật, điều đó chứng minh gia đình ông không vi phạm pháp luật đất đai.

Việc Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1567/QĐ-KPHQ ngày 10/11/2022 về việc buộc hộ ông V khôi phục lại hiện trạng đất như ban đầu, trả lại diện tích 10,81 ha đất lấn chiếm là không có căn cứ, là trái quy định của pháp luật về đất đai. Ngày 24/11/2022, ông V đã khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh N hủy bỏ, thu hồi Quyết định số

1567/QĐ- KPHQ nêu trên. Tuy nhiên ngày 01/3/2023, Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 250/QĐ-UBND về việc bác đơn khiếu nại của ông V, giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1567/QĐ-UBND ngày 10/11/2022.

Gia đình ông V hiện có vợ chồng ông và các con đang sinh sống tại khu đất, bao gồm: Nguyễn Thị Q, sinh năm 2005; Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1995, vợ là Nguyễn Thị T2; Nguyễn Thị Y, sinh năm 1997; Nguyễn Văn H3, sinh năm 2012.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N có văn bản trình bày ý kiến ngày 19 tháng 6 năm 2023. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Hồ Xuân H4 trình bày như sau:

1. Nội dung giải quyết:

- Theo ông Nguyễn Văn V trình bày:

Vào năm 1995, hộ ông khai phá đất với diện tích khoảng 10,81 ha, tọa lạc tại khu vực B thuộc thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận, diện tích khai hoang không có giấy tờ khai hoang hay giấy tờ khác về đất nào khác do Nhà nước công nhận. Sau khi khai phá ông có xây nhà kiên cố và canh tác (trồng cây mủ trôm, dừa, xoài), đào ao nuôi cá trên phần đất này, sử dụng đến khi UBND xã P đến ngăn chặn và lập Biên bản xử phạt vi phạm hành chính.

- Kết quả xác minh:

a) Về vị trí, diện tích đất:

Theo kết quả của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh N-chỉ nhánh T6 thì vị trí đất do ông Nguyễn Văn V kê khai, chỉ dẫn đo đạc có tổng diện tích 108.115 m², từ điểm số 01 tọa độ X 1254882, Y 580390 đến điểm số 32 tọa độ X 1254869, Y 580382 tại khu vực tục danh B, thuộc địa bàn thôn S, xã P, huyện T.

b) Xác nhận của Hội đồng tư vấn đất đai xã P: Diện tích 28.616 m² đất do ông Nguyễn Văn V đang khiếu nại là đất rừng phòng hộ do UBND xã P quản lý; đất nằm ngoài khu đo đạc của hồ sơ địa chính. Ông Nguyễn Văn V có hành vi chiếm đất sử dụng vào mục đích làm nhà ở, hồ chứa nước, ao nuôi cá, kho chứa vật liệu, chuồng gà, trại giữ xe, trồng cây (mãng cầu ta, đu đủ, dừa, trôm, bằng lăng....) vào năm 2015.

c) Xác nhận của người dân sống lâu năm tại địa phương: Trước thời điểm triển khai thực hiện Dự án tuyến đường Quốc phòng ven biển đoạn M - C, tại vị trí đất trên (có tục danh Bãi Đá T3) chỉ có khoảng 04 đến 05 chòi tạm do người dân đi biển che tạm (giáp mặt biển) để phục vụ đánh bắt hải sản, không có ai đến canh tác sử dụng vì đất không có đường đi, chỉ đi bằng đường biển đến đất, khu này là đất đồi đá, cây rừng mọc rải rác không thể sản xuất nông nghiệp, đất do xã quản lý. Sau khi tuyến đường quốc phòng hoàn thành có một vài hộ dân đến tác động trên đất, Ủy ban nhân dân xã P ra ngăn chặn, xử lý.

d) Xác nhận của Chi cục kiểm lâm, Hạt kiểm lâm huyện T và Ban Q1:

Theo Quyết định số 650/CT ngày 08/3/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại Lâm trường Ninh Phước thành Ban Q2 thì khu vực Bãi Đá T3 thuộc Tiểu khu B, địa bàn xã P nằm trong lâm phần quản lý của Ban Q2. Hiện

trạng là đất trồng núi đá, cây bụi chủ yếu là bằng lăng, cóc rừng, huyết giác, bụi gai và cây gỗ tái sinh mọc rải rác... Tại khu vực này, không có tuyến đường giao thông (một bên là núi, một bên là biển), nếu đi bộ phải mất cả ngày đường mới đến nơi hoặc phải đi bằng ghe (thuyền) mới đến được. Hiện trạng đất trước đây có khoảng 4-5 chòi tạm của người dân đi biển che tạm (giáp mặt biển) để phục vụ đánh bắt hải sản.

Khu vực đất Bãi Đá T3 đã được đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007, do vậy xác định chủ thể quản lý hiện nay là Ủy ban nhân dân xã P. Khi chưa có tuyến đường ven biển đi qua khu vực trên thì hiện trạng rừng vẫn là đất trồng núi đá, có cây bụi và đất có cây gỗ tái sinh mọc rải rác... và có khoảng 4-5 chòi tạm của người dân phục vụ đánh bắt hải sản. Qua công tác kiểm tra, nắm tình hình địa bàn của lực lượng bảo vệ rừng thì từ năm 2018 đến nay tình trạng người dân vào khu vực B Trúng tác động làm thay đổi hiện trạng ban đầu như: Phát dọn cây bụi, đào xúc đất, làm đường mòn xuống khu vực biển, làm đường bê tông xuống bãi biển, trồng cây, làm chòi, làm nhà ở, làm ao hồ chứa nước, sang nhượng đất... (trong đó có hộ ông Nguyễn Văn V). Hạt kiểm lâm huyện T và Ban Q1 đã phát hiện và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã P tăng cường công tác kiểm tra và có biện pháp ngăn chặn tình trạng người dân lấn chiếm nêu trên (tại Báo cáo số: 175/BC-HKL ngày 10/10/2019, Báo cáo số 83/BC-HKL ngày 18/03/2022 của Hạt kiểm lâm huyện T và Báo cáo số: 71/BC-BQLRPHVBTN ngày 17/8/2020, Báo cáo số: 113/BC-BQLRPHVBTN ngày 08/3/2022, Báo cáo số: 228/BC-BQLRPHVBTN ngày 07/7/2022 của Ban Q1.

e) Việc lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn V chiếm đất với diện tích 108.115 m²:

Ông Nguyễn Văn V có hành vi chiếm đất với diện tích 108.115 m² thuộc đất rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã P quản lý tại khu vực B thuộc thôn S, xã P để làm nhà ở, hồ chứa nước, ao nuôi cá, kho chứa vật liệu, chuồng gà, trại giữ xe, trồng cây (mãng cầu ta, đu đủ, dừa, trôm, bằng lăng...) vào năm 2015. Ủy ban nhân dân xã P đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 37/BB-VPHC ngày 16/6/2022 đối với ông Nguyễn Văn V về hành vi chiếm đất chưa sử dụng do Ủy ban nhân dân xã quản lý với diện tích 108.115m² và có Tờ trình số 303/TTr-UBND ngày 17/6/2022 chuyển đến Ủy ban nhân dân huyện T xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân huyện T tổ chức họp, lấy ý kiến các ngành, qua đó xác định: Khu vực đất Bãi Đá T3 đã được đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007, do vậy xác định chủ thể quản lý hiện nay là Ủy ban nhân dân xã P. Tuy nhiên, C2 (nay sáp nhập vào Chi cục kiểm lâm) thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao (cấm mốc xác định cụ thể ranh giới quy hoạch lâm nghiệp và quy hoạch lâm nghiệp chuyển sang các mục đích khác ngoài lâm nghiệp trên thực địa, bàn giao kết quả rà soát, quy hoạch lại 03 loại rừng cho từng địa phương cấp huyện, xã và đơn vị chủ rừng, xây dựng kế hoạch chuyển đổi diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp sang mục khác...) theo Quyết định số 241/2007/QĐ- UBND ngày 14/9/2007, đồng thời tại khu vực này chưa có văn

bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lâm nghiệp sang các loại đất khác, do vậy đất tại khu vực Bãi Đá T3 được xác định là đất lâm nghiệp. Ủy ban nhân dân xã P đã lập Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 61/BB-XM ngày 08/7/2022 đối với ông Nguyễn Văn V về hành vi chiếm đất rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã P quản lý.

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 3 Điều 14 và khoản 3 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì hành vi chiếm đất rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã P quản lý, với diện tích 108.115 m² của ông Nguyễn Văn V thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nên UBND tỉnh xử lý theo thẩm quyền. Tuy nhiên, tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm cho đến ngày lập biên bản vi phạm hành chính thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết. Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 sửa đổi bổ sung điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012: *“Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, trừ các trường hợp sau: vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm”*. Do đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch UBND tỉnh không ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, chỉ ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 33 Điều 1 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 (sửa đổi bổ sung khoản 2 điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

Diện tích đất ông Nguyễn Văn V khiếu nại là đất rừng phòng hộ do UBND xã P đang quản lý, ông V không cung cấp các giấy tờ hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013.

Do đó Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 1567/QĐ-XPVPHC ngày 10/11/2022 về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn V: buộc ông Nguyễn Văn V trả lại 108.115 m² đất đã chiếm và khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.

2. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại.

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ;

3. Quan điểm của người bị kiện:

Quyết định giải quyết khiếu nại số: 250/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn V (lần đầu) là đúng thẩm quyền, nội dung giải quyết đúng pháp luật.

Việc ông Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh N và Quyết định số 1567/QĐ-KPHQ ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc buộc khôi phục lại hiện trạng như ban đầu, trả lại diện tích 108.115 m² đất lấn chiếm là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã P trình bày:

Theo kết quả của Văn phòng Đ - Chi nhánh T6 thì vị trí đất do ông Nguyễn Văn V kê khai, chỉ dẫn đo đạc có diện tích 108.115m² (từ điểm số 01 tọa độ X 1254882, Y 580390 đến điểm số 32 tọa độ X 1254869, Y 580382) tại khu vực tục danh B, thuộc địa bàn thôn S, xã P, huyện T.

Diện tích 108.115 m² đất do ông Nguyễn Văn V đang khiếu nại là đất rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã P quản lý, đất nằm ngoài khu đo đạc của hồ sơ địa chính, ông Nguyễn Văn V bao chiếm đất sử dụng vào mục đích làm nhà ở, hồ chứa nước, ao nuôi cá, kho chứa vật liệu, chuồng gà, trại giữ xe, trồng cây (mãng cầu ta, đu đủ, dừa, trôm, bằng lăng...) vào năm 2015.

Sau khi có Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2007-2015 thì khu vực đất trên đã được điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng, giao Ủy ban nhân dân xã P quản lý.

Ông Nguyễn Văn V có hành vi chiếm đất với diện tích 108.115 m² thuộc đất rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã P quản lý, để làm nhà ở, hồ chứa nước, ao nuôi cá, kho chứa vật liệu, chuồng gà, trại giữ xe, trồng cây (mãng cầu ta, đu đủ, dừa, trôm, bằng lăng...) vào năm 2015; Ủy ban nhân dân xã P đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 37/BB-VPHC ngày 16/6/2022 đối với ông Nguyễn Văn V về hành vi chiếm đất chưa sử dụng do Ủy ban nhân dân xã quản lý với diện tích 108.115 m² và có Tờ trình số 303/TTr-UBND ngày 17/6/2022 chuyển đến Ủy ban nhân dân huyện T xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P đã ban hành Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính về đất đai đối với ông Nguyễn Văn V. Theo Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai ngày 26/6/2015, ông V có hành vi chiếm đất rừng phòng hộ ven biển do Ban Q2 quản lý trên địa bàn xã P, hiện trạng tại thời điểm kiểm tra có 01 chòi tạm kích thước 54 x 6,5m mái lợp bằng bạt, vách bằng bạt, nền nhà bằng xi măng có tọa độ X= 0580433, Y= 1254910 và 01 bếp có kích thước 2 x 2 m mái tôn thiết, vách tôn thiết; buộc ông V khắc phục hậu quả khôi phục lại hiện trạng của đất trước khi vi phạm. Đây là vị trí có tọa độ khác với tọa độ diện tích 10,81ha mà ông V đang sử dụng và bị UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1567/QĐ-KPHQ ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc buộc khôi phục lại hiện trạng như ban đầu, trả lại diện tích 108.115 m² đất lấn chiếm.

Đại diện Ban Q1 trình bày:

Theo Quyết định số 650/CT ngày 08/3/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại Lâm trường Ninh Phước thành Ban Q2 thì khu vực Bãi Đá T3 thuộc tiểu khu B, địa bàn xã P nằm trong lâm phần quản lý của Ban Q2. Hiện trạng là đất trống núi đá, cây bụi chủ yếu là bằng lăng, cóc rừng, huyết giác, bụi gai và cây gỗ tái sinh mọc rải rác... Tại khu vực này, không có tuyến đường giao thông (một bên là núi, một bên là biển), nếu đi bộ phải mất cả ngày đường mới đến nơi hoặc phải đi bằng ghe (thuyền) mới đến được. Hiện trạng đất trước đây có khoảng 4-5 cái chòi tạm của người dân đi biển che tạm (giáp mặt biển) để phục vụ đánh bắt hải sản.

Theo Quyết định 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh N phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng, giai đoạn 2007- 2015 khu vực Bãi Đá T3 nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng và không thuộc lâm phần của Ban quản lý.

Qua công tác kiểm tra, nắm tình hình địa bàn của lực lượng bảo vệ rừng thì từ năm 2018 đến nay tình trạng người dân vào khu vực B Trúng tác động làm thay đổi hiện trạng ban đầu như: Phát dọn cây bụi, đào xúc đất, làm đường mòn xuống khu vực biển, làm chòi, làm nhà ở... (trong đó có hộ ông Nguyễn Văn V). Hạt Kiểm lâm huyện T và Ban Q1 đã phát hiện và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã P tăng cường công tác kiểm tra và có biện pháp ngăn chặn tình trạng người dân lấn chiếm nêu trên (tại Báo cáo số 175/BC-HKL ngày 10/10/2019, Báo cáo số 83/BC-HKL ngày 18/03/2022 của Hạt kiểm lâm huyện T và Báo cáo số 71/BC- BQLRPHVBTN ngày 17/8/2020, Báo cáo số 113/BC-BQLRPHVBTN ngày 08/3/2022, Báo cáo số 228/BC-BQLRPHVBTN ngày 07/7/2022 của Ban Q1).

Đại diện Hạt kiểm lâm huyện T trình bày:

Qua công tác kiểm tra, nắm tình hình địa bàn của lực lượng bảo vệ rừng thì từ năm 2018 đến nay tình trạng người dân vào khu vực B Trúng tác động làm thay đổi hiện trạng ban đầu như: Phát dọn cây bụi, đào xúc đất, làm đường mòn xuống khu vực biển, làm đường bê tông xuống bãi biển, trồng cây, làm chòi, làm nhà ở, làm ao hồ chứa nước, sang nhượng đất... (trong đó có hộ ông Nguyễn

Văn V). Hạt kiểm lâm huyện T và Ban Q1 đã phát hiện và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã P tăng cường công tác kiểm tra và có biện pháp ngăn chặn tình trạng người dân lấn chiếm nêu trên (tại Báo cáo số 175/BC-HKL ngày 10/10/2019, Báo cáo số 83/BC-HKL ngày 18/03/2022 của Hạt kiểm lâm huyện T và Báo cáo số 71/BC-BQLRPHVBTN ngày 17/8/2020, Báo cáo số 113/BC-BQLRPHVBTN ngày 08/3/2022, Báo cáo số 228/BC-BQLRPHVBTN ngày 07/7/2022 của Ban Q1).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện T tổ chức họp, lấy ý kiến các ngành, qua đó xác định: Khu vực đất Bãi Đá T3 đã được đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007, do vậy xác định chủ thể quản lý hiện nay là Ủy ban nhân dân xã P. Tuy nhiên, C2 (nay sáp nhập vào Chi cục kiểm lâm) thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao (cấm mốc xác định cụ thể ranh giới quy hoạch lâm nghiệp và quy hoạch lâm nghiệp chuyển sang các mục đích khác ngoài lâm nghiệp trên thực địa, bàn giao kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng cho từng địa phương cấp huyện, xã và đơn vị chủ rừng, xây dựng kế hoạch chuyển đổi diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp sang mục khác,...) theo Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007; đồng thời, tại khu vực này chưa có văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lâm nghiệp sang các loại đất khác, do vậy đất tại khu vực Bãi Đá T3 được xác định là đất lâm nghiệp.

Ủy ban nhân dân xã P đã lập Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 61/BB-XM ngày 08/7/2022 đối với ông Nguyễn Văn V có hành vi “Chiếm đất rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã P quản lý”.

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 và khoản 3 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì hành vi chiếm đất rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã P quản lý, với diện tích 108.115 m² của ông Nguyễn Văn V thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2024/HC-ST, ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1567/QĐ-KPHQ ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn V (lần đầu).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị X có Đơn kháng cáo nêu lý do: Bản án sơ thẩm xét xử không thỏa đáng, đề nghị xét xử phúc thẩm lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Bởi vì có căn cứ ông V và bà X khai hoang canh tác từ năm 1997, có xây dựng các công trình trên đất, đã được chính quyền xác nhận ông V có khai phá ở các văn bản trước đây. Năm 2007, đất đã được đưa ra khỏi quy hoạch 03 loại rừng nên không có ai quản lý, từ đó ông V vào khai hoang để canh tác. Năm 2013, ông V còn được Nhà nước hỗ trợ tiền khi làm đường. Vì vậy có căn cứ xác định ông V có khai hoang phần đất nêu trên. Từ năm 2022 trở về trước ông V chưa bao giờ nhận được bất kỳ văn bản nào của cơ quan Nhà nước về hành vi chiếm đất nên ông không thực hiện được hành vi khiếu nại theo quy định của pháp luật. Biên bản xử phạt vi phạm hành chính ngày 16/6/2022 cho rằng ông V chiếm đất chưa sử dụng, nhưng áp dụng điều luật là lấn chiếm đất rừng phòng hộ, từ đó ra quyết định xử phạt là sai, ngoài ra biên bản vi phạm hành chính không được lập tại nơi vi phạm mà lập tại UBND xã. Biên bản vi phạm hành chính năm 2015 vẫn còn tồn tại nên một hành vi vi phạm hành chính lại bị xử lý hai lần là không đúng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định. Về nội dung, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo người khởi kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục kháng cáo:* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 7 năm 2024, người khởi kiện ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị X làm Đơn kháng cáo. Xét Đơn kháng cáo của người khởi kiện đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 55, Điều 204, Điều 205, Điều 206, Điều 209 của Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử hủy các quyết định: Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết

khieu nại, Quyết định số 1567/QĐ-KPHQ ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc buộc khôi phục lại hiện trạng như ban đầu, trả lại diện tích 108.115m² đất lấn chiếm. Xét thấy, quyết định trên được ban hành bởi cơ quan hành chính Nhà nước mà người khởi kiện cho rằng đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Quyết định hành chính này thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính với quan hệ pháp luật tranh chấp là “Khieu kiện quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định giải quyết khieu nại về đất đai”.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính và thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị kiện có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND huyện T, chị Nguyễn Thị Q, anh Nguyễn Văn L1, chị Nguyễn Thị T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 1567/QĐ-XPVPHC, ngày 10/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N ban hành về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả:

[4.1.1] Theo Quyết định số 650/CT ngày 08/3/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc tổ chức lại Lâm trường N thành Ban Q2; từ năm 1996 khu vực Bãi Đá T3 thuộc Tiểu khu B, địa bàn xã P nằm trong lâm phần quản lý của Ban Q2. Hiện trạng là đất trống núi đá, cây bụi chủ yếu là bằng lăng, cóc rừng, huyết giác, bụi gai và cây gỗ tái sinh mọc rải rác... Tại khu vực này, không có tuyến đường giao thông (một bên là núi, một bên là biển), nếu đi bộ phải mất cả ngày đường mới đến nơi hoặc phải đi bằng đường thủy mới đến được. Từ năm 2007 đến tháng 9 năm 2017 khu vực đất này được điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng, đất do UBND xã P quản lý (theo Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh N).

[4.1.2] Tại thời điểm năm 2014, ông Nguyễn Văn V vào khu vực này chiếm đất, khi thực hiện Dự án đường ven biển tỉnh Ninh Thuận (đoạn M-C), ông V được UBND huyện T hỗ trợ vật kiến trúc, cây trồng trên đất theo Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 19/3/2014.

Vào khoảng năm 2015, ông V tiếp tục chiếm đất rừng phòng hộ ven biển do Ban Q2 quản lý trên địa bàn xã P. Ngày 06/8/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P đã ban hành Quyết định số 91/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính về đất đai đối với ông Nguyễn Văn V, hiện trạng tại thời điểm kiểm tra có 01 chòi tạm kích thước 5 x 6,5m mái lợp bằng bạt, vách bằng bạt, nền nhà bằng xi măng có tọa độ X= 0580433, Y=

1254910 và 01 bếp có kích thước 2 x 2 m mái tôn thiết vách tôn thiết, buộc ông V khắc phục hậu quả khôi phục lại hiện trạng của đất trước khi vi phạm.

[4.1.3] Như vậy, năm 1996 diện tích đất này đã được giao cho Ban Q2 quản lý trên địa bàn xã P. Ông V cho rằng đất không ai quản lý nên năm 1997, ông vào khai phá canh tác là không có cơ sở chấp nhận mà có căn cứ xác định gia đình ông V đã chiếm dụng đất rừng phòng hộ không được sự cho phép của Nhà nước. Mặt khác, theo Luật Đất đai qua các thời kỳ đều khẳng định nguyên tắc đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý, ông V cho rằng đất bỏ hoang không ai quản lý là không có cơ sở chấp nhận được.

[4.1.4] Khoảng năm 2019, cho đến khi UBND xã P lập Biên bản vi phạm hành chính vào năm 2022, ông V tiếp tục bao chiếm mở rộng để làm nhà ở, hồ chứa nước, ao nuôi cá, kho chứa vật liệu, chuồng gà, trại giữ xe, trồng cây (mãng cầu ta, đu đủ, dừa, trôm, bằng lăng...). Hạt kiểm lâm huyện T và Ban Q1 đã phát hiện và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã P tăng cường công tác kiểm tra và có biện pháp ngăn chặn tình trạng người dân lấn chiếm (tại Báo cáo số 71/BC-BQLRPHVBTN ngày 17/8/2020, Báo cáo số 113/BC-BQLRPHVBTN ngày 08/3/2022, Báo cáo số 228/BC-BQLRPHVBTN ngày 07/7/2022 của Ban Q1). Theo kết quả của Văn phòng Đ - Chi nhánh T6 thì vị trí đất do ông Nguyễn Văn V kê khai, chỉ dẫn đo đạc có diện tích 108.115m² (từ điểm số 01 tọa độ $X=1254882$, $Y=580390$ đến điểm số 32 tọa độ $X=1254869$, $Y=580382$) tại khu vực tục danh B, thuộc địa bàn thôn S, xã P, huyện T.

Như vậy, Quyết định số 91/QĐ-UBND, ngày 06/8/2015 của Chủ tịch UBND xã P về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính về đất đai đối với ông Nguyễn Văn V, có tọa độ $X=0580433$, $Y=1254910$ có vị trí, tọa độ khác với tọa độ diện tích 108.115 m² mà ông V đang chiếm dụng và bị Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 1567/QĐ-KPHQ ngày 10/11/2022 về việc buộc khôi phục lại hiện trạng như ban đầu, trả lại diện tích 108.115 m² đất lấn chiếm. Từ đó người khởi kiện cho rằng một hành vi vi phạm bị xử lý hai lần là không có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Về trình tự thủ tục ban hành các quyết định hành chính:

Ủy ban nhân dân xã P đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 37/BB-VPHC ngày 16/6/2022 đối với ông Nguyễn Văn V về hành vi chiếm đất chưa sử dụng do Ủy ban nhân dân xã quản lý với diện tích 108.115m² và có Tờ trình số 303/TTr-UBND ngày 17/6/2022 chuyển đến Ủy ban nhân dân huyện T xem xét, xử lý theo thẩm quyền. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện T tổ chức họp, lấy ý kiến các ngành, qua đó xác định: Khu vực đất Bãi Đá T3 đã được đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007, do vậy xác định chủ thể quản lý hiện nay là Ủy ban nhân dân xã P. Tuy nhiên, C2 (nay sáp nhập vào Chi cục kiểm lâm) thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường chưa thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao (cắm mốc xác định cụ thể ranh giới quy hoạch lâm nghiệp và quy hoạch lâm nghiệp chuyển sang các mục đích khác ngoài lâm nghiệp trên thực địa, bàn giao kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng cho từng địa phương cấp huyện, xã và đơn vị chủ rừng, xây

dựng kế hoạch chuyển đổi diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp sang mục khác,...) theo Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007, đồng thời tại khu vực này chưa có văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lâm nghiệp sang các loại đất khác, do vậy đất tại khu vực Bãi Đá T3 được xác định là đất lâm nghiệp. Do đó UBND xã P đã lập Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 61/BB-XM ngày 08/7/2022 đối với ông Nguyễn Văn V có hành vi chiếm đất rừng phòng hộ do UBND xã P quản lý. UBND huyện T ban hành Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 13/7/2022 đề nghị UBND tỉnh xem xét ban hành các quyết định khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn V.

Tuy nhiên, tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm (năm 2019) cho đến ngày lập biên bản vi phạm hành chính thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết. Do đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch UBND tỉnh N không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, chỉ ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 33 Điều 1 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 (sửa đổi bổ sung khoản 2 điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012) là có căn cứ. Các biện pháp khắc phục hậu quả trong Quyết định số 1567/QĐ- KPHQ ngày 10/11/2022 bao gồm: Buộc ông Nguyễn Văn V khôi phục tình trạng của đất trước khi vi phạm và buộc ông V trả lại diện tích 108.115 m² đất đã lấn chiếm là phù hợp điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP, ngày 19/11/2019 của Chính phủ về Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[4.3] Từ những phân tích trên, xét thấy ông Nguyễn Văn V đã có hành vi chiếm đất diện tích 108.115 m² do Nhà nước quản lý nên bị lập biên bản vi phạm hành chính và Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 1567/QĐ-KPHQ về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn V là có cơ sở, đúng thẩm quyền và nội dung đúng quy định của pháp luật. Do Quyết định số 1567/QĐ- XPVPHC về việc buộc thực hiện việc khắc phục hậu quả là có căn cứ, nên việc Chủ tịch UBND tỉnh N giải quyết khiếu nại theo hướng: Không chấp nhận nội dung khiếu nại, giữ nguyên Quyết định số 1567/QĐ-XPVPHC là có cơ sở. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1567/QĐ-KPHQ, ngày 10/11/2022 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N và Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn V là đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị X kháng cáo nhưng không cung cấp được những chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông V, bà X; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị X.

Căn cứ: Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 348; Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính

Áp dụng: Luật Đất đai năm 2013; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP, ngày 19/11/2019 của Chính phủ về Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP, ngày 06/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP, ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1567/QĐ-KPHQ ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn V (lần đầu).

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị X mỗi người chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị X được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0000094, ngày 19 tháng 7 năm 2024; ông Nguyễn Văn V được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0000095, ngày 19 tháng 7 năm

2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận. Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị X đã đóng xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Tâm Tú